TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 28 – 02 – 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Huỳnh Văn Hùng
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 525/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NVC, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Khánh Thuận, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị VTM, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Khánh Thuận, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn anh C trình bày như sau: Năm 2012, anh C kết hôn với chị M, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường gây cãi và mỗi lần cãi nhau thì chị M bỏ nhà đi. Tính đến thời điểm làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì giữa anh C và chị M không còn liên hệ nhau được 03 năm. Nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị M. Về quan hệ con chung: không có. Về tài sản chung: Khi chị M bỏ đi mang theo 01 xe Honda hiệu Wave S cùng 700.000đ, 03 chỉ vàng 18kara và 01 bộ đồ nghề làm sữa đậu nành nhưng anh C không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị M không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh C.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về quan hệ con chung: không có; quan hệ tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị M: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Anh C và chị M chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị M không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ly thân đã lâu, chị M không quan tâm Cộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

+ Về quan hệ con chung: Không có.

+ Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về quan hệ nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 5, ấp Khánh Thuận, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn chị M đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Anh C và chị M chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, anh C trình bày vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường cãi nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị M không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, nhận thấy giữa anh C và chị M sống ly thân thời gian dài, không quan tâm Cộc sống vợ chồng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh, ban ấp Khánh Thuận Cng cấp thông tin không anh C và chị M chung sống hay cãi vả, không được hòa thuận. Tại phiên tòa, anh C trình bày hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, không còn liên hệ nhau đã hơn hai năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị M trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

+ Về quan hệ con chung: Không có.

+ Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010377 ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh NVC được ly hôn với chị VTM.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh NVC phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số: TU/2016/0010377 ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Mỹ Đức
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễ Thị Yến Anh